

Bản án số: 149/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2025
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Quốc Diện
- Ông Nguyễn Quốc Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 235/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn Th, sinh năm 1982 (Vắng mặt và có Đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Văn Th: Ông Trần Quốc Kh - Luật sư (Vắng mặt và có Đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Th, khóm N, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là Th, khóm N, phường T, tỉnh Cà Mau).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân Tr, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Xuân Tr:

Ông Trần Vũ T, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã Ng, tỉnh Cà Mau.

Bà Trương Thùy Tr1, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Đường 30/4, khóm B, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

(Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 12/9/2025)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1980 (Vắng mặt và có Đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp C, xã Tr, tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 05/5/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Trần Văn Th trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2001, qua tìm hiểu và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên ông và bà Nguyễn Thị Xuân Tr chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Thời gian đầu ông và bà Tr chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây ông và bà Tr không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, hay cự cãi, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, đời sống chung giữa ông và bà Tr không còn hòa hợp và hạnh phúc. Nay, xét thấy hôn nhân giữa ông và bà Tr đã không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Xuân Tr.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông và bà Nguyễn Thị Xuân Tr có bốn người con chung tên: Trần Như Y, sinh ngày 01/01/2002; Trần Văn Th1, sinh ngày 01/01/2004; Trần Thảo Nh, sinh ngày 22/8/2013 và Trần Thảo V, sinh ngày 29/11/2020; hiện nay cháu Y và cháu Th1 đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; cháu Nh và V có nguyện vọng theo cha hoặc mẹ thì người đó nuôi dưỡng, chăm sóc, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống ông và bà Nguyễn Thị Xuân Tr có tài sản chung là căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tại ấp Ch, xã Tr, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp Ch, xã Tr, tỉnh Cà Mau), trị giá 300.000.000 đồng, hiện nay ông và bà Tr đang ở. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi theo giá trị của tài sản cho ông và bà Tr.

Về nợ thu, nợ trả: Trong thời gian chung sống ông và bà Nguyễn Thị Xuân Tr có nợ tiền vay của bà Nguyễn Thị Đ, địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau

(Nay là ấp C, xã Tr, tỉnh Cà Mau), số tiền là 300.000.000 đồng. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tiền nợ trên cho ông và bà Tr.

* Ngày 22/8/2025, ông Trần Văn Th có Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và chia nợ chung. Đồng thời, có Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 15/9/2025 yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, ông giữ nguyên yêu cầu ly hôn và nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Biên bản làm việc ngày 26/6/2025 bị đơn là bà Nguyễn Thị Xuân Tr trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2001, qua tìm hiểu và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên bà và ông Trần Văn Th chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Thời gian đầu bà và ông Th chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây bà và ông Th không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, hay cự cãi, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, đời sống chung giữa bà và ông Th không còn hòa hợp và hạnh phúc. Nay, xét thấy hôn nhân giữa bà và ông Th đã không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên ông Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Th được ly hôn với bà thì bà đồng ý.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông Trần Văn Th có bốn người con chung tên: Trần Như Y, sinh ngày 01/01/2002; Trần Văn Th1, sinh ngày 01/01/2004; Trần Thảo Nh, sinh ngày 22/8/2013 và Trần Thảo V, sinh ngày 29/11/2020; hiện nay cháu Y và cháu Th1 đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; cháu Nh có nguyện vọng theo cha hoặc mẹ thì người đó nuôi dưỡng, chăm sóc, bà không cấp dưỡng nuôi con và cũng không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con; cháu V còn nhỏ và hiện đang sống với bà, bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V, bà không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đối với căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tại ấp Ch, xã Tr, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp Ch, xã Tr, tỉnh Cà Mau) không phải là tài sản chung của bà và ông Trần Văn Th nên bà không đồng ý chia đôi giá trị theo yêu cầu của ông Th vì sau khi bà và ông Th không chung sống với nhau khoảng tháng 5/2024 bà mượn phần đất trên và số tiền khoảng 200.000.000 đồng của mẹ ruột bà là bà Phạm Thị Th để cất nhà ở cho đến nay.

Về nợ thu, nợ trả: Đối với tiền vay 300.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Đ, địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp C, xã Tr, tỉnh Cà Mau) bà không biết, bà không có vay nên bà không đồng ý chia đôi tiền nợ trên theo yêu cầu của ông Trần Văn Th.

* Ngày 29/6/2025 bà Nguyễn Thị Đ có Đơn yêu cầu đơn phương về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Xuân Tr trả cho bà số tiền nợ vay là 300.000.000 đồng nộp trực tiếp tại Tòa án vào ngày 01/9/2025. Tòa án chưa thụ lý yêu cầu trên của bà Đ và đến ngày 09/9/2025 bà Đ có Đơn rút đơn yêu cầu đơn phương trên.

* Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Xuân Tr đồng ý ly hôn với ông Trần Văn Th. Bà Tr đồng ý giao cháu Trần Thảo Nh cho ông Trần Văn Th nuôi dưỡng, chăm sóc theo nguyện vọng của cháu Nh; do cháu Trần Thảo V còn nhỏ và đang sống với bà nên bà có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V; bà không cấp dưỡng nuôi con và cũng không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Đối với việc ông Trần Văn Th rút yêu cầu chia tài sản chung và chia nợ chung, cũng như việc bà Nguyễn Thị Đ rút Đơn yêu cầu đơn phương về việc yêu cầu bà và ông Th trả 300.000.000 đồng thì bà không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Xuân Tr là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Xin ly hôn”, bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau) nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn Th, ông Trần Quốc Kh, bà Nguyễn Thị Đ có Đơn xin vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Th, ông Kh, bà Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Xuân Tr tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2001 đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Trong quá trình chung sống ông Th và bà Tr đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi với nhau do bất đồng quan điểm, hôn nhân không còn hòa hợp và hạnh phúc; nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên ông Th yêu cầu ly hôn và bà Tr đồng ý. Xét thấy, ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Xuân Tr chung sống với nhau từ năm 2001 đến nay không đăng ký kết hôn nên căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân của ông Th và bà Tr không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Xuân Tr thống nhất trong thời gian chung sống ông Th và bà Tr có bốn người con chung tên: Trần Như Y, sinh ngày 01/01/2002; Trần Văn Th1, sinh ngày 01/01/2004; Trần Thảo Nh, sinh ngày 22/8/2013 và Trần Thảo V, sinh ngày 29/11/2020; hiện nay cháu Y và cháu Th1 đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình, ông Th và bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; cháu Trần Thảo Nh có nguyện vọng sống cùng cha là Trần Văn Th (Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của con 22/8/2025), ông Th và bà Tr cũng đồng ý giải quyết theo nguyện vọng của cháu Nh; cháu V còn nhỏ và hiện đang sống với bà Tr và bà Tr có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V, ông Th không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trần Thảo Nh cho ông Trần Văn Th nuôi dưỡng, chăm sóc và giao cháu Trần Thảo V cho bà Nguyễn Thị Xuân Tr nuôi dưỡng, chăm sóc.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Xuân Tr không có yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Ông Trần Văn Th rút yêu cầu chia tài sản chung và bà Nguyễn Thị Xuân Tr không có ý kiến gì. Xét thấy việc rút yêu cầu chia tài sản chung của ông Th là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[7] Về nợ thu, nợ trả: Ông Trần Văn Th rút yêu cầu chia nợ chung, Tòa án chưa thụ lý yêu cầu đơn phương của bà Nguyễn Thị Đ và bà Đ cũng có Đơn rút

Đơn yêu cầu đơn phương về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Th và bà Tr trả số tiền 300.000.000 đồng, bà Tr không có ý kiến gì đối với việc rút yêu cầu chia nợ chung của ông Th và việc rút yêu cầu đơn phương của bà Đ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về chi phí đo đạc, định giá phần đất tranh chấp: Ông Trần Văn Th phải chịu, ông Th đã thanh toán xong.

[9] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án về chia tài sản chung theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 14, 51, 53, 56, 71, 72, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Xuân Tr.

- Về con chung: Cháu Trần Như Y, sinh ngày 01/01/2002 và cháu Trần Văn Th1, sinh ngày 01/01/2004 đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình, ông Th và bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Giao cháu Trần Thảo Nh, sinh ngày 22/8/2013 cho ông Trần Văn Th nuôi dưỡng, chăm sóc và giao cháu Trần Thảo V, sinh ngày 29/11/2020 cho bà Nguyễn Thị Xuân Tr nuôi dưỡng, chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông Trần Văn Th đối với căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tại ấp Ch, xã Tr, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp Ch, xã Tr, tỉnh Cà Mau), trị giá 300.000.000 đồng.

- Về nợ thu, nợ trả: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về chi phí đo đạc, định giá phân đất tranh chấp: Ông Trần Văn Th phải chịu, ông Th đã thanh toán xong.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Trần Văn Th phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được đối trừ số tiền tạm ứng án phí ông Th đã nộp là 4.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019475 ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, sau khi đối trừ ông Th được nhận lại số tiền là 3.700.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Xuân Tr có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 4 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 4 - Cà Mau;
- UBND xã T, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Ngọc Huyền